

Bản án số: 163/2025/HS-PT

Ngày: 15/4/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Hợp**

Các thẩm phán: Ông **Trần Huy Đức**

Ông **Nguyễn Cường**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Phương Mai**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Thọ Định**, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 58/2025/TLPT-HS ngày 04 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo **Hồ Thị D1** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2025/HS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Họ và tên: **Hồ Thị D1**, sinh năm 1991, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký HKTT: **TDP T, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Hồ Thanh H** (đã chết) và bà **Trần Thị C**, sinh năm: 1956; có 03 chồng là **Vi Quốc H1**, sinh năm 1986 (không đăng ký kết hôn), **Phan Minh H2**, sinh năm: 1985 (đã ly hôn) và **Trần Văn M**, sinh năm: 1985 (không đăng ký kết hôn); có 05 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 09/9/2008, bị Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số: 21/2008/HSST, đã chấp hành xong hình phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/7/2024 hiện đang giam – có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Ông **Lê Thành N** – Luật sư **Văn phòng L1**, thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh Đ**; địa chỉ: **D L, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2023 đến tháng 6/2024 để có tiền tiêu xài cá nhân, **Hồ Thị D1** đã đưa ra thông tin gian dối về việc mua bán, chuyển nhượng quyền sử dụng đất làm cho bà **Trần Thị V** và bà **Trịnh Thị D** tin tưởng đưa tiền, sau đó **D1** đã chiếm đoạt sử dụng tiêu xài vào mục đích cá nhân, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào tháng 5/2023, bà **Trần Thị V** có nhu cầu bán căn nhà tại địa chỉ **số B đường N, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** với giá 7.000.000.000 đồng. Sau khi biết thông tin bà **V** có nhu cầu bán nhà thì bà **Cao Thị C1** và bà **Nguyễn Thị Ánh T** là người môi giới kinh doanh bất động sản, đã đến xem nhà để thu thập thông tin và tìm người mua nhà, tiếp đó bà **C1** và bà **T** gửi thông tin cho **Hồ Thị D1** biết để tìm người mua nhà, mục đích để kiếm tiền hoa hồng. Sau khi có thông tin căn nhà, ngày 17/5/2023, **D1** nhờ ông **M** và bà **T** đến xem lại căn nhà và thống kê những tài sản có trong căn nhà đó, mục đích để bà **V** tin tưởng **D1** sẽ mua căn nhà. Một thời gian sau, **D1** nói chuyện với bà **V** đồng ý mua căn nhà, nhưng thời điểm này Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) của căn nhà đang thế chấp tại **Ngân hàng N2 (A) Chi nhánh huyện E** đối với khoản vay 2.500.000.000 đồng do bà **V** đứng tên vay vốn, nên bà **V** yêu cầu **D1** trả trước số tiền 3.000.000.000 đồng để bà **V** trả tiền cho Ngân hàng, lấy GCNQSDĐ ra và làm hợp đồng mua bán nhà với **D1**. **D1** đưa ra thông tin gian dối nói với bà **V** không phải trả tiền cho Ngân hàng mà đề nghị bà **V** đưa số tiền 380.000.000 đồng cho **D1** để **D1** làm thủ tục và chi phí để liên hệ với **Ngân hàng TMCP Q1 (V1)** tại **thành phố B** đến thẩm định, giải ngân trả số nợ 2.500.000.000 đồng cho bà **V** và lấy Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất ra, thì bà **V** tin tưởng đồng ý. Sau đó, **D1** điện thoại yêu cầu bà **V** đưa trước 10.000.000 đồng để lo chi phí thì bà **V** đồng ý, thời điểm này bà **V** không có đủ số tiền 10.000.000 đồng và nói chỉ còn 2.000.000 đồng thì **D1** nói lấy trước 2.000.000 đồng, còn lại 8.000.000 đồng thì cho bà **V** nợ. Sau đó, **D1** nhờ bà **T** đến nhà bà **V** nhận giúp số tiền 2.000.000 đồng để đưa lại cho **D1**. Một thời gian sau, **D1** tiếp tục gọi điện thoại cho bà **V** nói chuyển khoản số tiền 10.000.000 đồng để làm chi phí, bà **V** đồng ý nhưng lúc này bà **V** không có tiền trong tài khoản và chỉ có tiền mặt nên **D1** nói bà **V** đi đến **Nhà nghỉ P3 tại thôn D, xã E, huyện E** để đưa tiền cho **D1** thì bà **V** đồng ý đi đến **Nhà nghỉ P3** đưa cho **D1** số tiền 10.000.000 đồng.

Khoảng cuối tháng 5/2023, **D1** tiếp tục gọi điện thoại hẹn bà **V** đến **Q Cà phê M1 tại thôn A, thị trấn E, huyện E** để nói chuyện về việc mua bán nhà. Tại đây, bà **V** nói có nhu cầu bán tiếp căn nhà tại địa chỉ **số A đường N, thị trấn E, huyện E** với giá 4.500.000.000 đồng, căn nhà này bà **V** cũng đang thế chấp tại

Ngân hàng A Chi nhánh huyện E đối với khoản vay 800.000.000 đồng. Nghe vậy thì D1 giả vờ đồng ý mua tiếp căn nhà này và yêu cầu bà V đưa thêm số tiền 135.000.000 đồng để làm chi phí cho Ngân hàng V1 tại thành phố B đến thẩm định, thì bà V tin tưởng đồng ý. Sau đó, D1 yêu cầu bà V đưa tiền để làm theo thỏa thuận thì bà V đã 02 lần đưa tiền mặt cho D1 với tổng số tiền 35.000.000 đồng (một lần 30.000.000 đồng và một lần 5.000.000 đồng). Ngoài đưa tiền mặt cho D1 thì bà V còn sử dụng tài khoản số 5212205214750 và tài khoản số 5212345888999 tại Ngân hàng A Chi nhánh huyện E nhiều lần chuyển tiền đến 02 tài khoản của Hồ Thị D1 gồm: Tài khoản số 5212205242811 mang tên Hồ Thị Thùy D1 tại Ngân hàng A Chi nhánh huyện E và Tài khoản số 0348666076 mang tên Hồ Thị D1 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ4 (S2) Chi nhánh Đ5.

Thời gian sau, bà V không thấy D1 thực hiện theo thỏa thuận, không thấy cán bộ Ngân hàng V1 tại thành phố B đến thẩm định nhà thì bà V liên hệ hỏi D1. D1 nói bà V liên lạc với ông P (công tác tại ngân hàng VIB thành phố V1) và cho số điện thoại ông P là 0373781585, Khi bà V điện thoại vào số điện thoại thì ông P không nghe máy và nhắn tin cho bà V với nội dung làm việc trực tiếp với bà D1. Do vậy, bà V tiếp tục gọi điện cho D1 hỏi tình hình thì D1 nói với bà V, “ông P làm thủ tục chậm nên chuyển qua cho ông P1 làm nhanh hơn” đồng thời cho bà V số điện thoại ông P1 là 0876698652 và 0945741419. Bà V nhiều lần gọi cho ông P1 thì ông P1 nói yên tâm và hứa hẹn sẽ giải ngân được. Phi, P1 và các số điện thoại 0373781585, 0876698652, 0945741419 là do D1 tự nghĩ ra, tự mua để sử dụng và cung cấp thông tin số điện thoại cho bà V liên hệ trong quá trình giao dịch, hiện D1 không còn lưu giữ và sử dụng các số điện thoại trên; D1 tự liên hệ thuê 02 người đàn ông chạy xe thồ tại thành phố B (không rõ nhân thân, lai lịch) để đóng vai ông P và ông P1 là nhân viên Ngân hàng V1 trả lời khi bà V liên hệ đến với số tiền 500.000 đồng/lượt, trả lời qua điện thoại với bà V theo nội dung hướng dẫn của D1, để bà V tin tưởng việc giao tiền cho D1. Đến ngày 28/7/2023, D1 tiếp tục gọi điện thoại cho bà V nói “Đã đi gần xong công việc rồi, thì chỉ còn một chút nữa thôi là xong, chị cố gắng lên”; “bên em làm việc có luật sư, có ông P1 trưởng phòng để em viết làm cam kết” và yêu cầu bà V chuyển khoản cho D1 số tiền 100.000.000 đồng, thời điểm này tài khoản của bà V không đủ tiền nên chỉ chuyển khoản cho D1 số tiền 80.000.000 đồng. Sau khi chuyển tiền xong, một lúc sau D1 gửi hình ảnh qua ứng dụng Zalo cho bà V xem 01 bản chụp giấy cam kết với nội dung ông Trần Quốc P1 cam kết ngày 29/7/2023 về giải ngân số tiền vay cho 02 căn nhà với giá trị 11.500.000.000 đồng cho bà V (giấy cam kết do D1 tự viết ra và chụp ảnh gửi cho bà V tin tưởng, hiện D1 không còn lưu giữ và không thu thập được bản gốc tài liệu). Tổng số tiền bà V đã đưa tiền mặt cho D1 nhận là **515.000.000 đồng**, trong đó: 47.000.000 đồng bà V đưa cho D1 bằng tiền mặt; 468.000.000 đồng bà V sử dụng tài khoản số 5212205214750 và tài khoản số 5212345888999 tại Ngân hàng A Chi nhánh huyện E chuyển khoản 11 lượt đến 02 tài khoản của Hồ Thị D1 gồm: Tài khoản số 5212205242811 mang tên Hồ Thị Thùy D1 tại Ngân hàng A Chi nhánh huyện E và tài khoản số 0348666076 mang tên Hồ Thị D1 tại

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ4 (S2) Chi nhánh Đ5 trong thời gian từ ngày 29/5/2023 đến ngày 29/7/2023. Số tiền nhận được từ bà V, D1 đã tiêu xài cá nhân hết.

Sau đó, bà V nói với D1 không mua bán nhà theo phương án như trên nữa và yêu cầu D1 trả lại tiền. Ngày 11/8/2023, D1 đến nhà bà V cam kết trả tiền và viết 01 giấy cam kết trả số tiền 515.000.000 đồng cho bà V; đến ngày 28/10/2023, D1 đến nhà bà V viết 01 giấy cam kết chậm nhất ngày 02/11/2023 trả số tiền 515.000.000 đồng cho bà V.

Vụ thứ hai: Vào khoảng đầu tháng 6/2024, ông Cao Văn B có nhu cầu chuyển nhượng thửa đất số 01, tờ bản đồ số 01, diện tích 6.940 m², tại thôn A, xã E, huyện B, với giá 180.000.000 đồng/1.000 m² đất và nhờ bà Võ Thị Thu T1 đăng thông tin lên mạng xã hội Zalo, Facebook. Khi biết thông tin trên, Hồ Thị D1 kết bạn Z, Facebook với bà T1 để xin thông tin của chủ đất thì bà Thủy cung C2 số điện thoại của ông B để D1 tự liên hệ. Sau đó, D1 gọi điện thoại cho ông B giả vờ hỏi mua đất và trực tiếp đi đến vị trí thửa đất của ông B để xem và đồng ý nhận chuyển nhượng thửa đất của ông B với giá 180.000.000 đồng/1.000 m². Bà T1 đến nhà nói ông B cung cấp 01 bản photocopy Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất để bà T1 đưa lại cho D1. Sau đó, D1 tự viết 01 Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất ghi ngày 27/7/2023 với nội dung: *Bà Hồ Thị D1 đặt cọc tổng số tiền hai lần 800.000.000 đồng cho ông Cao Văn B để mua lô đất, thửa số 01, tờ bản đồ số 01, diện tích 6940m², tại địa chỉ xã E, huyện B, thời hạn hợp đồng đến ngày 26/5/2024 là hết hạn; trong hợp đồng thể hiện có chữ ký, điểm chỉ, ghi tên bên mua Hồ Thị D1, người làm chứng Nguyễn Thị T2 và bên bán Cao Văn B, do D1 tự ký và điểm chỉ. Sau khi có thông tin lô đất, D1 gửi thông tin lô đất này cho ông Võ Minh Đ và báo giá 120.000.000 đồng/1.000 m². Tiếp đó, ông Đ gửi thông tin lô đất này cho nhóm gồm: bà Phan Thị P2, bà Nguyễn Thị Bích H3, bà Cao Thị Đ1 báo giá 120.000.000 đồng/1.000 m². Bà P2 tiếp tục gửi thông tin lô đất này cho ông Bùi Văn C3, ông C3 gửi thông tin lô đất cho bà Trịnh Thị D báo giá 120.000.000 đồng/1.000 m². Sau khi bà D vào vị trí lô đất để xem thì đồng ý mua lô đất với giá 120.000.000 đồng/1.000 m² và yêu cầu được gặp chủ đất.*

Ngày 15/6/2024, ông Đ gọi điện thoại cho D1 nói đã tìm được người mua lô đất và đề nghị mang giấy tờ của lô đất vào quán cà phê S Đá thuộc xã E, huyện B. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, D1 đến quán cà phê thì gặp ông C3, ông Đ, bà P2, bà H3 và D. Tại quán cà phê, bà D yêu cầu D1 cho xem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì D1 đưa cho bà D xem bản photocopy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thấy tên ông Cao Văn B là chủ sử dụng lô đất nên bà D không tin tưởng; D1 đã đưa cho bà D xem Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất với ông Cao Văn B ghi ngày 27/7/2023 mà D1 làm giả trước đó. Khi thấy bà D vẫn chưa tin tưởng thì D1 gọi điện thoại cho ông B nói ông B xác nhận đã bán lô đất này cho D1 trước đó và đưa điện thoại cho bà D nói chuyện với ông B, ông B xác nhận đã thoả thuận bán lô đất trên cho D1. Nghe vậy, bà D tin tưởng đồng ý đặt cọc tiền cho D1. Bà D sử dụng Tài khoản số 5213205048571 tại Ngân hàng A Chi nhánh

huyện B chuyển khoản số tiền **200.000.000 đồng** đến Tài khoản số 9348666076 của **Hồ Thị D1** tại **Ngân hàng Thương mại Cổ phần N3 (V2) Chi nhánh Đ5**. Sau đó, **D1** chuyển tiền hoa hồng 40.000.000 đồng đến tài khoản số 0812374567 của **Võ Minh Đ** tại **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q2 (M3) Chi nhánh Đ5**; ông **Đ** chuyển tiền hoa hồng 15.000.000 đồng đến Tài khoản số 5213205836395 của **Phan Thị P2** tại **Ngân hàng A Chi nhánh Đ5** (bà **P2** chuyển lại tiền hoa hồng cho bà **H3** 5.000.000 đồng, chuyển cho bà **Đ1** 5.000.000 đồng), chuyển tiền hoa hồng cho ông **C3** 10.000.000 đồng (ông **C3** đưa lại tiền mặt cho bà **Duyên** số tiền hoa hồng 5.000.000 đồng do bà **D** là người đặt cọc nhận chuyển nhượng lô đất).

Đến sáng ngày 16/6/2024, bà **D** gọi điện thoại cho **D1** yêu cầu dẫn đến nhà ông **B**, sau đó bà **D** điều khiển xe ô tô chở **D1**, ông **C3**, bà **P2** và bà **H3** cùng đi đến nhà ông **B** tại **thôn A, xã E, huyện B**, khi đến nhà gặp ông **B** thì ông **B** chuẩn bị đi đám giỗ nên hẹn đến chiều sẽ gặp. Lúc này, **D1** nói mọi người đi ra ngoài, **D1** một mình đi vào nhà gặp ông **B** nói nếu bà **D** có hỏi đã bán lô đất cho **D1** chưa thì xác nhận là đã bán rồi. Sau đó, **D1** đi ra và nói mọi người đi về Quán cà phê **Sen Đ2** để nói chuyện. Tại quán cà phê, bà **D** yêu cầu **D1** trả lại tiền thì **D1** điện thoại cho ông **B** nói ông **B** xác nhận đã bán lô đất đó cho **D1** để bà **D** tin tưởng, sau đó **D1** đưa điện thoại cho bà **D** để bà **D** nói chuyện với ông **B** thì ông **B** xác nhận đã bán lô đất đó cho **D1** và hẹn 17 giờ cùng ngày đến nhà ông **B** để nói chuyện. Khoảng 11 giờ cùng ngày, **D1** gọi điện thoại nhờ bà **Võ Thị Thu T1** đến nhà ông **B** đặt cọc số tiền 50.000.000 đồng cho ông **B** thì bà **T1** yêu cầu **D1** gọi điện thoại cho ông **B** nói chuyện về nội dung này; **D1** gọi điện thoại cho ông **B** nói nhờ bà **T1** đặt cọc trước 50.000.000 đồng để mua lô đất của ông **B**, ngày hôm sau (17/6/2024) sẽ đặt cọc tiếp số tiền 150.000.000 đồng; lúc này ông **Ba K** muốn bán lô đất với giá đã thỏa thuận trước đó nữa mà tăng giá bán lên 240.000.000 đồng/1.000 m² thì **D1** vẫn đồng ý. Sau đó, **D1** chuyển khoản 50.000.000 đồng đến Tài khoản số 0914224464 của bà **T1** tại **Ngân hàng M3 Chi nhánh B**. Bà **T1** đến nhà ông **B** thì gặp ông **B**, bà **Trần Thị M2** là vợ của ông **B**, **Cao Thị H4** là con gái của ông **B** và **Lê Trung N1** là con rể của ông **B**, để thỏa thuận nội dung đặt cọc mua đất cho **D1**; bà **T1** chuyển khoản 40.000.000 đồng đến Tài khoản số 5213205803128 của **Cao Thị H4** tại **Ngân hàng A Chi nhánh huyện B** và đưa tiền mặt cho ông **B** 10.000.000 đồng, tổng cộng 50.000.000 đồng, để đặt cọc tiền mua đất và **Lê Trung N1** viết “Hợp đồng thỏa thuận đặt cọc tiền”, sau đó bà **T1** chụp cho **D1** xem nội dung: *Hôm nay ngày 16/6/2024, bên B là bà Hồ Thị D1 đặt cọc cho bên A là ông Cao Văn B số tiền 50.000.000 đồng, hẹn ngày 17/6/2024 giao tiếp số tiền 150.000.000 đồng.*

Đến 17 giờ ngày 16/6/2024, bà **D** điều khiển xe ô tô chở bà **P2**, bà **H3**, còn ông **Đ** điều khiển xe mô tô chở **D1** cùng đi đến vị trí lô đất. Khi đến nơi thì gặp ông **B**, vợ của ông **B** là **Trần Thị M2**, mọi người vào trong nhà để nói chuyện, lúc này **D** yêu cầu ông **B** xác nhận đã bán lô đất đó cho **D1** chưa thì ông **B** xác nhận đã bán cho **D1**, nên bà **D** tin tưởng và đi về. Sau đó, **D1** không thực hiện nhận chuyển nhượng thửa đất của ông **Cao Văn B** để chuyển nhượng lại cho bà

Trịnh Thị D theo thoả thuận mà chiếm đoạt số tiền đặt cọc đã nhận của bà **D** để sử dụng vào mục đích cá nhân.

Tổng số tiền **Hồ Thị D1** chiếm đoạt của bà **Trần Thị V** và **Trịnh Thị D** là **715.000.000 đồng**, số tiền có được **D1** tiêu xài cá nhân hết. Sau khi sự việc xảy ra **D1** đã bồi thường cho bà **Trần Thị V** số tiền 10.000.000 đồng, tác động chỉ **Hồ Thị Thùy L** (chị ruột **D1**) bồi thường cho bà **Trần Thị V** số tiền 100.000.000 đồng và bồi thường cho bà **Trịnh Thị Duyên S1** tiền 20.000.000 đồng.

Tại bản Kết luận giám định số 780/KL-KTHS ngày 14/6/2024 của **Phòng K1 Công an tỉnh Đ**, kết luận: Chữ viết, chữ ký mang tên **Hồ Thị D1** trên tài liệu cần giám định gồm 01 Giấy cam kết trả tiền không đề ngày tháng năm, 01 Giấy cam kết trả tiền 515.000.000 đồng cho bà **Trần Thị Vĩnh Đ3** ngày 28/10/2023, so với chữ viết, chữ ký mang tên **Hồ Thị D1** trên tài liệu mẫu so sánh, **do cùng một người viết ra.**

Tại bản Kết luận giám định số 1516/KL-KTHS ngày 04/10/2024 của **Phòng K1 Công an tỉnh Đ**, kết luận: Dấu vân tay phần “ĐẠI DIỆN BÊN A” và “BÊN BÁN” trong mẫu cần giám định kí hiệu A1 (Hợp đồng đặt cọc với nội dung: Ngày 15/6/2024, bà **Hồ Thị D1** có nhận của Trịnh Thị Duyên số tiền 200.000.000 đồng đặt cọc mua lô đất tại thửa số 01, tờ bản đồ số 01, tại địa chỉ **Thôn A, xã E, huyện B** với giá 840.000.000 đồng, thời hạn hợp đồng đặt cọc đến ngày 25/9/2024), so với dấu vân tay **Hồ Thị D1** trong mẫu so sánh, **là của cùng một người.**

Tại bản Kết luận giám định số 1517/KL-KTHS ngày 02/10/2024 của **Phòng K1 Công an tỉnh Đ**, kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên **Hồ Thị D1** dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN A” trên tài liệu cần giám định kí hiệu A1 (Hợp đồng đặt cọc với nội dung: Ngày 15/6/2024, bà **Hồ Thị D1** có nhận của Trịnh Thị Duyên số tiền 200.000.000 đồng đặt cọc mua lô đất tại thửa số 01, tờ bản đồ số 01, tại địa chỉ **Thôn A, xã E, huyện B** với giá 840.000.000 đồng, thời hạn hợp đồng đặt cọc đến ngày 25/9/2024), so với chữ ký, chữ viết mang tên **Hồ Thị D1** trên tài liệu mẫu so sánh, **do cùng một người ký và viết ra.**

Tại bản Cáo trạng số 161/CT-VKS-P4 ngày 13/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo **Hồ Thị Dung** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Từ những nội dung được xác định nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2025/HS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

[1] Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Hồ Thị D1** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

[2] Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, n, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Hồ Thị D1** 13 (Mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 04/7/2024.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phân trách nhiệm dân sự án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14 tháng 01 năm 2025 bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo **Hồ Thị D1** giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa phát biểu quan điểm đối với vụ án như sau:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành và tham gia tố tụng khác đã thực hiện và tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo sửa bản án sơ thẩm giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 14 tháng 01 năm 2025, bị cáo **Hồ Thị D1** kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2025/HS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt, đơn kháng cáo của bị cáo trong thời hạn quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Căn cứ lời khai của bị cáo tại cấp sơ thẩm, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, đủ cơ sở xác định: trong khoảng thời gian từ tháng 5/2023 đến tháng 6/2024 tại **huyện E và huyện B, tỉnh Đắk Lắk**, **Hồ Thị D1** đã đưa ra thông tin gian dối về việc mua bán, chuyển nhượng quyền sử dụng đất để bà **Trần Thị V** và bà **Trịnh Thị D** tin tưởng chuyển cho **Hồ Thị D1** tổng số tiền là 715.000.000 đồng, trong đó (bà **Trần Thị V** là 515.000.000 đồng; bà **Trịnh Thị D** là 200.000.000 đồng). Sau khi nhận tiền **D1** không thực hiện theo như thỏa thuận mà chiếm đoạt sử dụng tiêu xài cá nhân hết số tiền trên. Với hành vi trên, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử bị cáo **Hồ Thị D1** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức được quyền tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối, cố ý chiếm đoạt tài sản của người khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã

hội một thời gian nhằm đảm bảo tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, đã tác động gia đình bồi thường, khắc phục một phần hậu quả cho bị hại, bị cáo hiện đang có thai nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Toà án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo cũng như xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhân thân của bị cáo để áp dụng các điều luật quy định tại điểm b, n, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Từ đó, Toà án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo **Hồ Thị D1** 13 (mười ba) năm tù là phù hợp, không nặng.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo **Hồ Thị D1** đã tích cực tác động gia đình khắc phục hậu quả, bồi thường xong toàn bộ thiệt hại cho các bị hại và các bị hại có đơn xin giảm hình phạt cho bị cáo đồng thời đã nộp xong toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm, đây là các tình tiết giảm nhẹ mới cần xem xét cho bị cáo. Trên cơ sở các nội dung trên và xét thấy tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo **Hồ Thị D1** thể hiện rõ sự ăn năn hối cải, có thêm nhiều tình tiết giảm nhẹ mới nên cần áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện để bị cáo cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo **Hồ Thị D1** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Đối với án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm của bị cáo **Hồ Thị D1**, đã nộp theo biên lai số 0002198 ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

[5] Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Hồ Thị D1** sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2025/HS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Hồ Thị D1** 11 (Mười một) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 04/7/2024.

3. Về án phí: Bị cáo **Hồ Thị D1** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC - Vụ I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THA dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam thuộc CA tỉnh Đắk Lắk (02 bản để giao cho bị cáo 01 bản);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Hợp